

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số 93/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Triều Sơn

Bà Hồ Thị Vân Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sinh – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Quỳnh N, sinh năm 1996; địa chỉ: E P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.*Bị đơn:* Anh Phạm Đình T, sinh năm 1995; địa chỉ: 2 S hai mu M - D, thành phố G, tỉnh Nara, Nhật Bản; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị Quỳnh N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Quỳnh N trình bày: Chị và anh Phạm Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27 tháng 5 năm 2019. Sau khi kết hôn, C và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, sau đó vợ chồng sống ly thân. Đến tháng 11 năm 2022, anh T đi sang Nhật Bản lao động để kiếm tiền nuôi gia đình. Từ khi anh T sang Nhật Bản, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không hòa hợp. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách về địa lý, không có điều kiện vun đắp, xây dựng cuộc sống gia đình. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đình T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Đình T có 01 con chung tên là Phạm Nhã An N1, sinh ngày 01/11/2019. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An N1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại văn bản ngày 10/10/2023 bị đơn anh Phạm Đình T trình bày:

Anh đã nhận được các văn bản do Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế gửi và thông báo các nội dung liên quan vụ án. Anh đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị Quỳnh N.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị Quỳnh N có 01 con chung là cháu Phạm Nhã An N1, sinh ngày 01/11/2019. Anh đồng ý giao cho chị Đặng Thị Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đặng Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Phạm Đình T; giao cháu Phạm Nhã An N1, sinh ngày 01/11/2019 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Về án phí, cần buộc chị Đặng Thị Quỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Đặng Thị Quỳnh N và anh Phạm Đình T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nên xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Quỳnh N và anh Phạm Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Quỳnh N thấy rằng: Từ khi anh Phạm Đình T sang Nhật Bản lao động, vợ chồng có khoảng cách xa về địa lý, nên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau, không liên lạc với nhau thường xuyên nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và

anh T cũng đồng ý ly hôn; căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Đặng Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Phạm Đình T.

[2.2] Về con chung: Chị Đặng Thị Quỳnh N và anh Phạm Đình T có 01 con chung là cháu Phạm Nhã An N1, sinh ngày 01/11/2019. Anh Tú hiện nay ở Nhật Bản và đồng ý giao cháu N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm N2 An Nhiên cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Quỳnh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123; Điều 127; Điều 129 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Phạm Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nhã An N1, sinh ngày 01/11/2019 cho chị Đặng Thị Quỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Quỳnh N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2021/0000271 ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Đặng Thị Quỳnh N đã nộp đủ.

Chị Đặng Thị Quỳnh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND phường Trường An, thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS; HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Cao Sơn

